TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lại Thị Thúy Hằng

Ông Lê Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị H1, sinh năm: 1966, địa chỉ: tổ S, ấp M, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: bà Lê Thị Mai H2, sinh năm: 1960 và ông Trần Văn Q, sinh năm: 1958; cùng địa chỉ: khu N, ấp M, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (Bà H2 làm đại diện chung theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2022)

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai đối chất, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Phạm Thị H1 trình bày:*

Do cùng sinh sống tại ấp M, xã X nên bà có quen biết vợ chồng bà H2, ông Q. Khi bà H2, ông Q tổ chức chơi hụi, bà có tham gia nhiều dây hụi khác nhau, có những dây hụi bà đã hốt và còn dây hụi bà tham gia chơi vào năm 2020 là bà chưa hốt và hiện có tranh chấp. Việc chơi hụi cụ thể như sau: dây hụi này mở ngày 30/5/2020, bà có tham gia chơi 4 chân hụi, mỗi chân đóng 500.000 đồng và mỗi tháng thu hụi 02 lần vào ngày 15 và 30 dương lịch hàng tháng. Số tiền thực tế bà đã đóng cho mỗi chân là 380.000 đồng/chân/01 lần thu hụi. Từ ngày

30/5/2020 đến 15/9/2020, số tiền bà đã đóng cho 4 chân hụi bà tham gia là 12.160.000 đồng. Đến ngày 30/9/2020, số tiền phải đóng thực tế cho mỗi chân hụi là 400.000 đồng/chân/01 lần thu hụi và mỗi tháng vẫn đóng hụi 02 lần vào ngày 15 và 30 dương lịch hàng tháng. Từ ngày 30/9/2020 đến ngày 30/6/2021, số tiền bà đã đóng cho cả 4 chân hụi là 30.400.000 đồng. Do đó, tổng số tiền bà đã đóng cho bà Hoa đối với dây hụi mở ngày 30/5/2020, đóng từ ngày 30/5/2020 đến ngày 30/6/2021 là 42.560.000 đồng.

Việc chơi hụi có sổ theo dõi cá nhân của bà H1 và sổ theo dõi chung của bà H2. Sau kỳ thu hụi tháng 7/2021 thì bà H2 tuyên bố bể hụi nên đến nay bà H1 vẫn chưa được hốt dây hụi nói trên.

Để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà H1 khởi kiện yêu cầu bà H2 và ông Q phải trả lại cho bà H1 số tiền thực tế mà bà đã đóng là 42.560.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất kể cả trong giai đoạn thi hành án.

** Theo biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn (do bà Lê Thị Mai H2 đại diện chung) trình bày:*

Quá trình chơi hụi như bà H1 xác định là đúng. Lợi ích từ việc tổ chức các dây hụi bà sử dụng cho mục đích chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Bà xác nhận số tiền hiện nay bà còn nợ bà H1 là 42.560.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà H1 số tiền còn nợ, tuy nhiên bà đề nghị không ghi nhận nghĩa vụ trả nợ cho chồng bà là ông Trần Văn Q vì chồng bà chỉ biết việc bà có tổ chức chơi hụi, thỉnh thoảng vẫn giúp bà thu hụi của các con hụi nhưng thời gian gần đây, vì lý do sức khỏe nên ông Q không giúp đỡ gì cho bà trong việc tổ chức dây hụi.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Bà H2 cho rằng ông Q không trực tiếp tham gia vào công việc này nên không buộc ông Q trả nợ là không phù hợp vì việc bà H2 tổ chức dây hụi là công việc thường xuyên, bản thân ông Q cũng biết và tiền lãi của việc tổ chức hụi bà H2 sử dụng chung cho gia đình. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Q và bà H2 liên đới trả số tiền nợ gốc 42.560.000 đồng cho bà H1; Về án phí: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Phạm Thị H1 có đơn khởi kiện đối với bà Lê Thị Mai H2 và ông Trần Văn Q yêu cầu trả tiền nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản (hụi)" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ

luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó bà H1 là nguyên đơn, bà H2 và ông Q là bị đơn, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Ông Trần Văn Q có văn bản ủy quyền cho bà Lê Thị Mai H2, văn bản ủy quyền ngày 09/02/2022, được thực hiện đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Nguyên đơn (bà H1) và bị đơn (bà H2) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Về số tiền tranh chấp: cả hai bên đương sự đều xác định từ việc có quen biết nên bà H1 có tham gia chơi hụi do bà H2 làm chủ hụi. Hai bên cũng thống nhất về quá trình đóng hụi, thu hụi và thống nhất số tiền bà H1 đã đóng cho bà H2 là 42.560.000 đồng đối với dây hụi mở ngày 30/5/2020, là dây hụi hiện có tranh chấp trong vụ án. Bà H2 đồng ý trả cho bà H1 số tiền 42.560.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện nên ghi nhận.

Về người có nghĩa vụ trả nợ: bà H1 yêu cầu bà H2 và ông Q cùng phải có trách nhiệm trả nợ, tuy nhiên bà H2 đề nghị ghi nhận nghĩa vụ trả nợ cho một mình bà. Xét thấy, bà H2 và ông Q là vợ chồng; bà H2 đã tổ chức các dây hụi trong một thời gian dài; bà H2 cũng thừa nhận ông Q biết và còn giúp đỡ bà thu hụi; lợi ích từ việc tổ chức các dây hụi bà sử dụng cho mục đích chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình. Do đó, căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà H2 và ông Q liên đới trả cho bà H1 số tiền 42.560.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: bà H1 không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền bà H2, ông Q phải trả nên HĐXX không xem xét gì thêm về lãi suất.

Về tài liệu, chứng cứ: bà H1 có cung cấp 01 quyển sổ theo dõi quá trình chơi hụi. Quyển sổ này là sổ theo dõi cá nhân, phù hợp với lời khai của các đương sự và phù hợp số tiền bà H1 yêu cầu khởi kiện nên đây là chứng cứ theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Án phí sơ thẩm trong vụ án là: 42.560.000 đồng x 5% = 2.128.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H2 và ông Q là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên HĐXX quyết định miễn án phí cho bà H2 và ông Q.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên: phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; Điều 471 của Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Lê Thị Mai H2 và ông Trần Văn Q phải liên đới trả cho bà Phạm Thị H1 số tiền 42.560.000 (Bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Mai H2 và ông Trần Văn Q không phải chịu lãi suất, kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Mai H2 và ông Trần Văn Q.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H1 1.064.000 (Một triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000909 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thế Nam